

Số: 609 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ “Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính” tại số thứ tự 7 Danh mục kèm theo Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 29/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ “Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính” tại số thứ tự 7 Danh mục kèm theo Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An,


(Chi tiết tại Danh mục và các biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC cấp xã;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (U). 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

DANH MỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ MỤC TIÊU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 609 /QĐ-UBND ngày 12 / 02 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên báo cáo	Đơn vị tổng hợp	Đơn vị báo cáo số liệu	Tần suất thực hiện	Lĩnh vực	Thời gian chốt số liệu	Thời hạn gửi báo cáo	Đề cương, biểu mẫu báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo
VI VĂN PHÒNG UBND TỈNH NGHỆ AN									
7	Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	- Các Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11. Quý I, Quý III 6 tháng Năm	KSTTHC	Tháng: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng báo cáo. Quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý của kỳ báo cáo. 6 tháng: Tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.	Ngày 19 của tháng báo cáo hoặc của tháng cuối của kỳ báo cáo.	- UBND tỉnh: Biểu 6.1. - Các Sở, ban, ngành: Biểu 6.2. - UBND cấp xã: Biểu 6.3	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

BIỂU 6.1

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC

Đơn vị tính: hồ sơ

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ rút/trả ¹	Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh													
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã													
													

¹ Số hồ sơ rút/trả được tính vào số hồ sơ tiếp nhận (cột 3) và số hồ sơ đã giải quyết (cột 7).

BIỂU 6.2

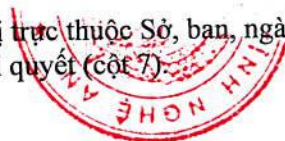
TÌNH HÌNH KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH¹

Đơn vị tính: hồ sơ

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ rút/trả ²	Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													
1	Lĩnh vực ...													
2	Lĩnh vực ...													
3													
													

¹ Bao gồm hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành hoặc Sở, ban, ngành hoặc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

² Số hồ sơ rút/trả được tính vào số hồ sơ tiếp nhận (cột 3) và số hồ sơ đã giải quyết (cột 7).



[Handwritten signature]

BIỂU 6.3

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG¹

Đơn vị tính: hồ sơ

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ rút/trả ²	Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													
1	Lĩnh vực ...													
2	Lĩnh vực ...													
3													
													

¹ Chỉ tính đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, UBND cấp xã, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

² Số hồ sơ rút/trả được tính vào số hồ sơ tiếp nhận (cột 3) và số hồ sơ đã giải quyết (cột 7).